

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2023/DS-ST

Ngày: 20-9-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Hiếu.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Lê Thị Phụng L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* **Nguyễn Thị X**. Địa chỉ: **Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, nguyên đơn trình bày: Tháng 8/2021 bà **X** có vay bà **L** số tiền là 32.000.000 đồng, hẹn vài ngày sau trả. Đến tháng 5/2023 bà **X** có trả cho bà **L** số tiền là 6.000.000 đồng, còn nợ lại 26.000.000 đồng, bà **L** có yêu cầu bà **X** trả cho bà số tiền còn nợ nhiều lần nhưng bà **X** đến nay vẫn chưa hoàn trả.

Nay bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **X** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay vốn là 26.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị X trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà **L** số tiền là 32.000.000 đồng vào khoảng năm 2019, trong đó thỏa thuận phân ra 02 phần tiền như sau: Phần 15.000.000 đồng trả góp, mỗi ngày trả góp 600.000

đồng/15.000.000 đồng, bà trả góp xong. Phần 17.000.000 đồng trả lãi, thỏa thuận lãi suất 150.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Do nợ tiền lãi của bà L 3.000.000 đồng nên bà X đồng ý nhập vào nợ vay gốc là 17.000.000 đồng thành 20.000.000 đồng. Sau đó lại phân ra 15.000.000 đồng trả góp và 5.000.000 đồng trả lãi giống thỏa thuận lãi và cách thức trả góp như lần đầu. Bà X trả nhiều lần được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, nhưng hiện nay bà chỉ còn nợ bà L số tiền là 400.000 đồng tiền vay vốn. Bà X thừa nhận và đồng ý trả cho bà L số tiền 400.000 đồng này. Việc thỏa thuận, giao nhận tiền góp và tiền lãi giữa bà L và bà X thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ giao nhận tiền trả vốn hay lãi, chỉ có bà X và bà L biết, ngoài ra không ai chứng kiến hay biết sự việc này. Do đó bà X không có giấy tờ, chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án, cũng không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ về việc này. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà X không đồng ý. Bà X thừa nhận hiện nay chỉ còn nợ bà L số tiền là 400.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này cho bà L thành nhiều lần, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì hoàn cảnh gia đình bà đang khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, có nội dung như sau: Buộc bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và không thay đổi ý kiến; Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà L.

- Nguyên đơn L có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: **buộc** bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 26.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có thỏa thuận hợp đồng vay tài sản với nhau vào tháng 8/2021 với số tiền là 32.000.000 đồng, có làm biên nhận và bị đơn cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ này. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn thừa nhận sau khi vay bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 6.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 26.000.000 đồng đến nay bị đơn chưa trả. Bị đơn thừa nhận có vay 32.000.000 đồng, nhưng sau đó đã trả góp và trả tiền lãi cho nguyên đơn nhiều lần, hiện nay chỉ còn nợ lại 400.000 đồng. Tuy nhiên, việc bị đơn cho rằng có việc trả tiền góp và đã trả tiền nợ lãi cho nguyên đơn, không được nguyên đơn thừa nhận có việc giao nhận tiền (trả tiền) nợ vay và lãi với nhau. Bị đơn cũng không cung cấp được các giấy tờ, biên nhận, chứng cứ để chứng minh có sự việc này, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng: Hợp đồng vay tài sản (là tiền) giữa nguyên đơn là bà **Lê Thị Phụng L** và bị đơn là bà **Nguyễn Thị X** thực tế có xảy ra, hợp đồng được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà **L** và bà **X** đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa bà **L** và bà **X** là hợp pháp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà **Nguyễn Thị X** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà **Lê Thị Phụng L** số tiền nợ vay là 26.000.000 đồng, không tính lãi.

[2.2] Đối với yêu cầu xin trả chậm thành nhiều lần của bà **X** không được bà **L** chấp nhận và yêu cầu này thuộc giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Bị đơn không cung cấp được các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $26.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.300.000 \text{ đồng}$.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn **Nguyễn Thị X** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn **Lê Thị Phụng L** số tiền là 26.000.000 đồng, không tính lãi

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là bà **Nguyễn Thị X** phải chịu án phí sơ thẩm 1.300.000 đồng.

- Nguyên đơn là **Lê Thị Phụng L** được nhận lại 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010527 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn là bà **Nguyễn Thị X** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt là nguyên đơn **Lê Thị Phụng L** được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hiếu Tăng Thị Bạch V

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Trần Xươngne Tô Thị Bích D

